

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03-02-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Công Vĩnh Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Vân.

2. Bà Trần Thị Út

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 10/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị R, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh T.

Bà R, ông D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 25/12/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà R trình bày: Bà với ông D chung sống vợ chồng vào năm 1996, tại Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh T, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau,

bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện tại mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà khởi kiện yêu cầu không công nhận hôn nhân thực tế với ông D.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Đăng Kh, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Xuân M, sinh năm 2001. Các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 12/01/2021, bị đơn ông D trình bày: Ông thống nhất với yêu cầu giải quyết ly hôn của bà R.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà R, ông D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà R, ông D theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà R, ông D chung sống vợ chồng vào năm 1996, nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 của Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp. Nên pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà R với ông D.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà R, ông D có hai con chung tên Nguyễn Đăng Kh, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Xuân M, sinh năm 2001. Các cháu đã thành niên và bà R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà R xác định không có tài sản chung và nợ chung, ông D không trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà R phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 9, 14, và 15 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 của Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị R với ông Nguyễn Văn D.

2. Án phí: Bà Trần Thị R phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà R đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006333 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy bà R đã thi hành xong án phí.

3. Bà R, ông D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Công Vĩnh Đức**